

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 5 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Quang

Bà Hồ Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Ngọc H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu vực 3, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Minh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu vực 3, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Ngọc H trình bày: Chị Phan Ngọc H và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn, huyện L, tỉnh C (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang) vào ngày 25/5/1992. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi,

anh T có những lời nói xúc phạm chị H, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị H và anh T đã ly thân kéo dài từ năm 2015 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hoài M (giới tính: Nữ), sinh năm 1994 và Nguyễn Hoàng K (giới tính: Nam), sinh năm: 1998. Con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị H và anh T có tài sản chung nhưng chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H yêu cầu ly hôn anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Minh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Ngọc H và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Phan Ngọc H và anh Nguyễn Minh T đã ly thân kéo dài từ năm 2015 đến nay. Tại bản tự khai

anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Ngọc H.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hoài M (giới tính: Nữ), sinh năm 1994 và Nguyễn Hoàng K (giới tính: Nam), sinh năm: 1998, đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh T chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phan Ngọc H phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Và Điều 9; Điều 53, Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Ngọc H. Cho chị Phan Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

[2] Về con chung: Nguyễn Lê Hoài M (giới tính: Nữ), sinh năm 1994 và Nguyễn Hoàng K (giới tính: Nam), sinh năm: 1998, đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh T chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét.

[4] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000332 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L thành án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường T nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS TX L;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Ngân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thủy

